

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 33





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2016)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Chí Linh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

SỐ  
NH  
NG  
HIỆ  
01  
P.1



Số: 105 /VNIA-HCBC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016 từ trang 3 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Minh Thao

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1902-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

1-002-  
ÁNH  
TY  
HỮU H  
TTE  
AM  
HỒ CHÍ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU B 01a-DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>453.605.617.977</b>	<b>354.163.633.127</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>108.457.570.906</b>	<b>46.404.121.659</b>
1. Tiền	111		68.757.570.906	21.404.121.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.700.000.000	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>68.954.572</b>	<b>5.070.336.597</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		68.954.572	70.336.597
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122.432.528.169</b>	<b>86.112.739.946</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		97.616.711.155	75.520.873.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.523.126.741	2.952.270.780
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	8.000.000.000	8.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	2.386.173.502	1.287.148.533
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.093.483.229)	(1.647.552.818)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>221.791.873.035</b>	<b>213.056.568.187</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	221.791.873.035	213.056.568.187
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>854.691.295</b>	<b>3.519.866.738</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		825.434.142	109.477.062
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9a	24.871.064	3.376.441.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9a	4.386.089	33.948.388
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>225.177.692.218</b>	<b>237.487.475.468</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>277.000.000</b>	<b>277.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	277.000.000	277.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.267.023.932</b>	<b>192.389.259.711</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	144.633.366.736	156.528.198.531
- Nguyên giá	222		328.081.889.591	327.395.830.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.448.522.855)	(170.867.631.700)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	35.633.657.196	35.861.061.180
- Nguyên giá	228		37.947.473.802	37.947.473.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.313.816.606)	(2.086.412.622)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.294.182</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.294.182	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>43.642.763.154</b>	<b>43.758.600.325</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	33.182.763.154	33.298.600.325
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	10.460.000.000	10.460.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>970.610.950</b>	<b>1.062.615.432</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	970.610.950	1.062.615.432
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>678.783.310.195</b>	<b>591.651.108.595</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU B 01a-DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184.029.651.112</b>	<b>135.049.666.636</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>179.361.279.861</b>	<b>130.304.407.885</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.715.901.911	30.452.181.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.211.838	127.691.746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9b	7.294.862.980	7.892.724.815
4. Phải trả người lao động	314		42.099.473.960	35.159.838.704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.235.983.702	3.442.741.337
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.544.424.093	26.850.372.110
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	57.780.002.503	12.891.607.830
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	9.625.418.874	13.487.250.293
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.668.371.251</b>	<b>4.745.258.751</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		60.000.000	116.100.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.608.371.251	4.629.158.751
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>494.753.659.083</b>	<b>456.601.441.959</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>494.753.659.083</b>	<b>456.601.441.959</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		253.116.960.000	253.116.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.116.960.000	253.116.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.392.780.783	10.392.780.783
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		155.321.452.755	155.321.452.755
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.922.465.545	37.770.248.421
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		37.770.248.421	30.632.574.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		38.152.217.124	7.137.673.580
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>678.783.310.195</b>	<b>591.651.108.595</b>

*bael*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
 Người lập

Nguyễn Thế Đề  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*

**MẪU B 02a-DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	379.930.349.742	358.519.765.986
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	310.564.286	447.060.323
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>379.619.785.456</b>	<b>358.072.705.663</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	24	200.842.129.671	186.061.926.109
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>178.777.655.785</b>	<b>172.010.779.554</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.667.875.498	815.072.783
7. Chi phí tài chính	22	27	4.523.697.852	3.738.607.361
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>956.875.500</i>	<i>552.418.059</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		422.763.154	103.068.878
9. Chi phí bán hàng	25	28	96.081.251.667	86.237.301.821
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	31.679.988.515	31.106.080.901
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>48.583.356.403</b>	<b>51.846.931.132</b>
12. Thu nhập khác	31	29	198.708.296	334.718.186
13. Chi phí khác	32	29	33.488.018	32.096.621
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>29</b>	<b>165.220.278</b>	<b>302.621.565</b>
<b>15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>48.748.576.681</b>	<b>52.149.552.697</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	10.504.355.075	12.047.713.204
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	92.004.482	49.484.452
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>38.152.217.124</b>	<b>40.052.355.041</b>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1.357</b>	<b>1.869</b>

*bell*

Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 11 tháng 8 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU B 03a-DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>48.748.576.681</i>	<i>52.149.552.697</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.875.535.779	12.688.514.113
Các khoản dự phòng	03	445.930.411	263.830.848
Lỗi chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25.169.519	102.060.873
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.076.180.359)	(878.865.058)
Chi phí lãi vay	06	956.875.500	552.418.059
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>60.975.907.531</i>	<i>64.877.511.532</i>
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(22.348.527.019)	(26.764.443.174)
Tăng các khoản phải trả	10	(8.758.168.448)	25.767.487.342
Tăng chi phí trả trước	11	34.063.724.003	19.696.165.171
Giảm chứng khoán kinh doanh	12	(715.957.080)	(1.147.242.644)
Tiền lãi vay đã trả	13	1.382.025	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(941.148.463)	(552.418.059)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(11.933.428.783)	(13.121.924.478)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	251.512.030	1.056.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.878.028.959)	(4.989.750.332)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>46.717.266.837</i>	<i>64.821.385.358</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.587.336.683)	(6.592.245.347)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.193.128.630	775.796.180
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(4.394.208.053)</i>	<i>(5.816.449.167)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	69.304.519.744	31.549.097.176
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.416.125.071)	(45.698.011.018)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.157.681.000)	(38.203.771.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>19.730.713.673</i>	<i>(52.352.685.442)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>62.053.772.457</b>	<b>6.652.250.749</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>46.404.121.659</b>	<b>39.832.503.811</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(323.210)	55.173
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>108.457.570.906</b>	<b>46.484.809.733</b>

*bacl*  
Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

*Th*  
Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Chí Linh*  
Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU B 09a-DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y Tế có Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 102652 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty mẹ đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty mẹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 13, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tổ 7, Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

**Công ty con**

Nhà máy của Công ty con đặt tại Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

**Hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

002  
INH  
TY  
HUUH  
TE  
M  
CHI

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 15.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 785 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 776 người).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty còn có các Công ty liên kết và Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

**Hợp đồng hợp tác liên doanh:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc

**Công ty liên kết:**

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25

**Chi nhánh phụ thuộc:**

- Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm OPC - Cửa hàng giới thiệu và kinh doanh Dược phẩm
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Hà Nội
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nghệ An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Miền Đông - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8



**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí đầu tư thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí trả trước liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ.





Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	11.417.474.054	5.746.730.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.340.096.852	15.657.391.011
Các khoản tương đương tiền	39.700.000.000	25.000.000.000
	<b><u>108.457.570.906</u></b>	<b><u>46.404.121.659</u></b>



Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,5% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 5,1% đến 5,4%/năm).

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay tín chấp đối với Công ty Cổ phần OPC Bắc Giang với số tiền 8.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 02/HĐVV ngày 01 tháng 10 năm 2015 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thu mua dược liệu. Khoản cho vay với thời hạn một năm kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất 5%/năm.



## 7. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động	1.769.837.000	411.051.000
Ký cược, ký quỹ	408.761.019	640.001.119
Khoản phải thu từ Bảo hiểm xã hội	767.732	28.444.465
Các khoản chi hộ bên liên quan	205.000.000	200.000.000
Phải thu khác	1.807.751	7.651.949
	<u><b>2.386.173.502</b></u>	<u><b>1.287.148.533</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	27.000.000	27.000.000
Phải thu khác (*)	250.000.000	250.000.000
	<u><b>277.000.000</b></u>	<u><b>277.000.000</b></u>

(\*) Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiên”) ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

## 8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	1.317.680.000	2.258.887.500
Nguyên liệu, vật liệu	119.648.145.098	99.582.593.456
Công cụ, dụng cụ	172.360.993	179.871.717
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.513.193.768	3.340.849.449
Thành phẩm	97.243.795.201	105.273.066.317
Hàng hoá	1.896.697.975	2.421.299.748
	<u><b>221.791.873.035</b></u>	<u><b>213.056.568.187</b></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, hàng tồn kho với giá trị là 71.947.270.937 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ tại ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.501.607.830 đồng).

Không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

01-002  
ÁNH  
TY  
HỮU  
HỮU  
HỮU  
AM  
5 CH

## 9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 <u>VND</u>	Số phải thu/ nộp trong kỳ <u>VND</u>	Số đã thực thu/ nộp trong kỳ <u>VND</u>	30/6/2015 <u>VND</u>
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.376.441.288	14.768.219.198	18.119.789.422	24.871.064
Thuế thu nhập cá nhân	33.948.388	176.655.236	206.217.535	4.386.089
	<b><u>3.410.389.676</u></b>	<b><u>14.944.874.434</u></b>	<b><u>18.326.006.957</u></b>	<b><u>29.257.153</u></b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.170.120.570	6.127.770.466	1.042.350.104
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.888.000	47.560.479	50.493.949	2.954.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.213.312.016	10.504.355.075	11.933.428.783	5.784.238.308
Thuế thu nhập cá nhân	673.524.799	5.344.191.033	5.552.395.794	465.320.038
Tiền thuê đất	-	1.305.647.394	1.305.647.394	-
Các loại thuế khác	-	23.150.000	23.150.000	-
	<b><u>7.892.724.815</u></b>	<b><u>24.395.024.551</u></b>	<b><u>24.992.886.386</u></b>	<b><u>7.294.862.980</u></b>





10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	180.777.434.611	121.509.422.695	22.296.503.892	2.812.469.033	327.395.830.231
Tăng trong kỳ	-	669.700.000	83.600.000	-	753.300.000
Thanh lý	-	-	(67.240.640)	-	(67.240.640)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>180.777.434.611</b>	<b>122.179.122.695</b>	<b>22.312.863.252</b>	<b>2.812.469.033</b>	<b>328.081.889.591</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	62.933.685.654	92.383.586.758	12.888.844.009	2.661.515.279	170.867.631.700
Khấu hao trong kỳ	4.657.826.322	6.534.048.039	1.426.732.394	29.525.040	12.648.131.795
Thanh lý	-	-	(67.240.640)	-	(67.240.640)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>67.591.511.976</b>	<b>98.917.634.797</b>	<b>14.248.335.763</b>	<b>2.691.040.319</b>	<b>183.448.522.855</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>117.843.748.957</b>	<b>29.125.835.937</b>	<b>9.407.659.883</b>	<b>150.953.754</b>	<b>156.528.198.531</b>
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>113.185.922.635</b>	<b>23.261.487.898</b>	<b>8.064.527.489</b>	<b>121.428.714</b>	<b>144.633.366.736</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với giá trị là 67.639.076.402 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 65.842.194.532 đồng).



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	36.656.838.802	1.290.635.000	37.947.473.802
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	1.342.726.242	743.686.380	2.086.412.622
Khấu hao trong kỳ	127.453.986	99.949.998	227.403.984
Tại ngày 30/6/2016	1.470.180.228	843.636.378	2.313.816.606
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	<b>35.314.112.560</b>	<b>546.948.620</b>	<b>35.861.061.180</b>
Tại ngày 30/6/2016	<b>35.186.658.574</b>	<b>446.998.622</b>	<b>35.633.657.196</b>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	26.760.000.000	26.760.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	422.763.154	538.600.325
	<b>33.182.763.154</b>	<b>33.298.600.325</b>

Phần lợi nhuận phát sinh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm 2015 và kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 538.600.325 đồng và 422.763.154 đồng. Trong kỳ, Công ty đã nhận được phần lợi nhuận được chia của năm 2015.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu%	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40%	40%	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng



Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu%	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Thành phố Hồ Chí Minh	28,61%	28,61%	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, sản xuất và mua bán mỹ phẩm, sản xuất đồ uống có cồn và nước khoáng, sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, mua bán máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn

**Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện:**

- Công ty Cổ phần OPC Bắc Giang được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007041 ngày 19 tháng 6 năm 2007 và các giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 3 năm 2016, tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu là 77.946.410.000 đồng. Công ty đang nắm giữ 28,61% vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25.

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	4.070.000.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	2.750.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	790.000.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	100.000.000	100.000.000
	<b><u>10.460.000.000</u></b>	<b><u>10.460.000.000</u></b>

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.





**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận với sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ này và năm trước:

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	970.610.950	1.062.964.727
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(349.295)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>970.610.950</u></b>	<b><u>1.062.615.432</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Công ty TNHH Jangsu Dahua Pharmaceutical	13.517.280.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.322.251.300	3.135.356.840
OPC Bắc Giang - Bên liên quan	11.433.286.500	6.868.575.400
Phải trả cho các đối tượng khác	14.443.084.111	20.448.248.810
	<b><u>41.715.901.911</u></b>	<b><u>30.452.181.050</u></b>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, marketing	14.867.398.718	-
Chi phí nghiên cứu	-	464.464.916
Chi phí điện sản xuất	186.429.900	145.597.000
Chi phí nhượng quyền	860.277.189	-
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	667.579.000	-
Chi phí thuê đất	-	2.026.664.540
Chi phí phúc lợi nhân viên	2.255.135.455	-
Khác	399.163.440	806.014.881
	<b><u>19.235.983.702</u></b>	<b><u>3.442.741.337</u></b>



**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.104.277.370	1.418.994.070
Bảo hiểm xã hội	6.193.183	14.186.000
Cổ tức	154.015.000	25.311.696.000
Phải trả khác	279.938.540	105.496.040
	<b><u>1.544.424.093</u></b>	<b><u>26.850.372.110</u></b>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015	Trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị <u>VND</u>	Tăng <u>VND</u>	Giảm <u>VND</u>	Giá trị <u>VND</u>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	-	9.811.869.771	-	9.811.869.771
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	5.682.731.566	-	5.682.731.566
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	5.501.607.830	49.209.918.407	14.926.125.071	39.785.401.166
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	7.390.000.000	4.600.000.000	9.490.000.000	2.500.000.000
	<b><u>12.891.607.830</u></b>	<b><u>69.304.519.744</u></b>	<b><u>24.416.125.071</u></b>	<b><u>57.780.002.503</u></b>

Ngày 04 tháng 4 năm 2016, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 037/2016-HĐTDHM/NHCT902-OPC với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 1 – Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng 3,5%/năm. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho tương đương giá trị dư nợ vay để thế chấp cho khoản vay này (Xem Thuyết minh số 8).

Ngày 03 tháng 3 năm 2015, Công ty ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực vô thời hạn đến khi hai bên có thay đổi và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty đã sử dụng khoản phải thu trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 1.000.000 Đô la Mỹ để thế chấp cho khoản vay này (Xem Thuyết minh số 8).

Ngày 02 tháng 4 năm 2015, Công ty con ký Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung với ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 500.000 Đô la Mỹ và có hiệu lực trong một năm nhằm bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu trong nước và nhập khẩu. Khoản vay này chịu lãi suất cơ bản USD/VND cộng với lãi biên tối đa 1,5%/năm (Lãi suất cho vay cơ bản được quyết định bởi ngân hàng tại mỗi kỳ xem xét lại lãi suất). Tài sản đảm bảo là các khoản phải thu trị giá ít nhất 500.000 Đô la Mỹ và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.





Ngày 30 tháng 9 năm 2015, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 0133/KH/15NH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2016. Ngày 19 tháng 4 năm 2016, Công ty ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS-HĐCV nâng hạn mức tín dụng lên 60.000.000.000 đồng và điều chỉnh ngày hiệu lực của Hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo lãi suất cho vay thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị tương đương giá trị dư nợ vay để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 8). Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	13.487.250.293	12.812.161.332
Sử dụng quỹ	(3.861.831.419)	(5.161.860.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>9.625.418.874</u></b>	<b><u>7.650.301.332</u></b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành (Cổ phần)	25.311.696	25.311.696
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ (Cổ phần)	25.311.696	25.311.696
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông Nhà nước, cổ đông khác của Công ty và vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ tại ngày 30/6/2016 và 31/12/2015		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2016 và 31/12/2015
	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Dược	3.562.650	14,08	35.626.500.000
Cổ đông khác	21.749.046	85,92	217.490.460.000
	<b><u>25.311.696</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>253.116.960.000</u></b>

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	192.851.020.000	8.658.370.783	144.781.707.755	43.489.058.841	389.780.157.379
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.316.466.538	70.316.466.538
Tăng vốn trong năm	60.265.940.000	-	-	-	60.265.940.000
Chênh lệch giá bán và mệnh giá	-	1.928.510.000	-	-	1.928.510.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(194.100.000)	-	-	(194.100.000)
Chia thêm cổ tức năm 2014	-	-	-	(12.856.484.000)	(12.856.484.000)
Tạm trích cổ tức năm 2015	-	-	-	(45.561.053.000)	(45.561.053.000)
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	(51.497.958)	(51.497.958)
Phân phối quỹ	-	-	10.539.745.000	(10.539.745.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.026.497.000)	(7.026.497.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>253.116.960.000</b>	<b>10.392.780.783</b>	<b>155.321.452.755</b>	<b>37.770.248.421</b>	<b>456.601.441.959</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	38.152.217.124	38.152.217.124
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<b>253.116.960.000</b>	<b>10.392.780.783</b>	<b>155.321.452.755</b>	<b>75.922.465.545</b>	<b>494.753.659.083</b>



Tiến độ thu và sử dụng nguồn vốn từ các đợt phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

- Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho Cán bộ Công nhân viên với số lượng 964.255 cổ phiếu, giá bán 12.000 đồng/cổ phần và tổng số tiền Công ty đã thu được là 11.571.060.000 đồng. Công ty ghi nhận vào Vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 9.642.550.000 đồng và 1.928.510.000 đồng. Các cổ phiếu phát hành thêm này được niêm yết bổ sung chính thức vào ngày 19 tháng 8 năm 2015 theo Quyết định số 355/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với số lượng 5.062.339 cổ phiếu, giá bán 10.000 đồng/cổ phần và tổng số tiền Công ty đã thu được là 50.623.390.000 đồng. Công ty ghi nhận vào Vốn điều lệ là 50.623.390.000 đồng. Các cổ phiếu phát hành thêm này được niêm yết chính thức vào ngày 18 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 573/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 382/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2015, Công ty đã sử dụng nguồn vốn thu được từ các đợt phát hành thêm cổ phiếu để đầu tư cơ sở vật chất Chi nhánh Hà Nội, xây dựng Xưởng chế biến và mở rộng mạng lưới phân phối thuốc phiến và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như bên dưới:

Mục đích sử dụng	Số vốn góp thực thu VND	Số vốn góp đã sử dụng VND	Số vốn góp chưa sử dụng VND
Đầu tư cơ sở vật chất cho chi nhánh Hà Nội	28.000.000.000	21.040.120.600	6.959.879.400
Đầu tư xưởng chế biến thuốc phiến	25.000.000.000	19.412.970.869	5.587.029.131
Bổ sung nguồn vốn lưu động	9.194.450.000	9.194.450.000	-
	<b>62.194.450.000</b>	<b>49.647.541.469</b>	<b>12.546.908.531</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2016	31/12/2015
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ ("USD")	42.746	33.464

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	374.430.059.720	354.836.517.804
Doanh thu bán nguyên vật liệu	5.483.890.022	3.610.332.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.400.000	72.916.000
	<b>379.930.349.742</b>	<b>358.519.765.986</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	310.564.286	447.060.323
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>379.619.785.456</b>	<b>358.072.705.663</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	180.508.740.687	168.653.130.514
Giá vốn bán nguyên vật liệu	4.859.385.199	3.339.887.930
Giá vốn dịch vụ	4.966.727	19.180.546
Giá vốn hàng khuyến mãi	15.469.037.058	14.049.727.119
	<b>200.842.129.671</b>	<b>186.061.926.109</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	182.273.913.936	157.514.815.921
Chi phí nhân công	96.526.253.263	84.582.297.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.875.535.779	12.688.514.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.236.631.925	20.064.952.286
Chi phí khác	19.219.801.395	24.543.646.393
	<b>327.132.136.298</b>	<b>299.394.226.639</b>

01007  
C  
TRÁCH  
ĐE  
VI  
VI



**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	994.217.205	303.847.408
Cổ tức được chia	456.978.000	467.989.000
Lãi cho vay	202.222.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.069.293	39.276.603
Chiết khấu thanh toán nhận được	389.000	3.959.772
	<b>1.667.875.498</b>	<b>815.072.783</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	956.875.500	552.418.059
Chiết khấu thanh toán	3.516.999.486	3.062.083.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	49.822.866	124.106.286
	<b>4.523.697.852</b>	<b>3.738.607.361</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	60.945.826.421	50.686.143.399
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	18.015.476.499	19.171.230.153
Các chi phí khác	17.119.948.747	16.379.928.269
	<b>96.081.251.667</b>	<b>86.237.301.821</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	15.006.998.728	12.769.254.091
Phí, lệ phí	1.301.869.088	3.083.524.568
Chi phí phúc lợi	3.054.181.818	2.832.271.500
Các chi phí khác	12.316.938.881	12.421.030.742
	<b>31.679.988.515</b>	<b>31.106.080.901</b>

1250  
HI NH  
ÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
T N  
TP. HỒ

## 29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	190.909.096	314.363.641
Khác	7.799.200	20.354.545
<b>Thu nhập khác</b>	<b>198.708.296</b>	<b>334.718.186</b>
Khác	33.488.018	32.096.621
<b>Chi phí khác</b>	<b>33.488.018</b>	<b>32.096.621</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>165.220.278</b>	<b>302.621.565</b>

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.504.355.075	12.043.415.504
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	4.297.700
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.504.355.075</b>	<b>12.047.713.204</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	92.004.482	49.484.452
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.</b>	<b>92.004.482</b>	<b>49.484.452</b>

002  
ÁNH  
TY  
HỮU H  
ITE  
AM  
CHI



Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	48.748.576.681	52.149.552.697
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.103.027.754	1.294.191.703
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.876.226.447	3.887.436.754
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.521.775.374	54.742.797.748
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.504.355.075	12.043.415.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	-	4.297.700
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>10.504.355.075</b>	<b>12.047.713.204</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế (Năm 2015: 22%). Cơ quan thuế đã thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2010.

Số liệu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được tính toán vào cuối năm tài chính.

### 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.152.217.124	40.052.355.041
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.815.221.712)	(4.005.235.504)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.336.995.412	36.047.119.537
<i>Trong đó:</i>		
- Lỗ chia cho các bên hợp tác liên doanh	-	(1.813.188)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông	34.336.995.412	36.048.932.725
Số lượng cổ phiếu	25.311.696	19.285.102
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.357</b>	<b>1.869</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm được tính từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán tương ứng sau khi loại trừ số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu dùng để tạm tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi này là lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán tương ứng nhân với tỷ lệ 10% theo quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ báo cáo tài chính.



**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.264.219.862	2.334.285.657

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Trong vòng một năm	2.434.164.317	2.641.906.773
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.312.337.599	9.520.336.320
Sau năm năm	6.797.121.907	6.933.514.500
	<b>17.543.623.823</b>	<b>19.095.757.593</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020 và lô đất tại 65-67 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2045.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.





**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.457.570.906	46.404.121.659
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.954.572	5.070.336.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.730.035.677	74.080.972.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ	435.761.019	667.001.119
	<b>212.692.322.174</b>	<b>134.222.431.957</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	57.780.002.503	12.891.607.830
Phải trả người bán và phải trả khác	42.209.855.451	55.985.473.090
Chi phí phải trả	19.235.983.702	3.442.741.337
	<b>119.225.841.656</b>	<b>72.319.822.257</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:



	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	2.053.690.568	1.113.418.697	13.517.280.000	1.586.703.300

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 573.179.472 đồng (năm 2015: 23.664.230 đồng).

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

500-NHÀ Đ. G. T. ỆM H. Đ. IT. NA. HỒ



Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.457.570.906	-	108.457.570.906
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.954.572	-	68.954.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.730.035.677	-	95.730.035.677
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ	408.761.019	27.000.000	435.761.019
	<b>212.665.322.174</b>	<b>27.000.000</b>	<b>212.692.322.174</b>
Các khoản vay	57.780.002.503	-	57.780.002.503
Phải trả người bán và phải trả khác	42.149.855.451	60.000.000	42.209.855.451
Chi phí phải trả	19.235.983.702	-	19.235.983.702
	<b>119.165.841.656</b>	<b>60.000.000</b>	<b>119.225.841.656</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>93.499.480.518</b>	<b>(33.000.000)</b>	<b>93.466.480.518</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.404.121.659	-	46.404.121.659
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.070.336.597	-	5.070.336.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.080.972.582	-	74.080.972.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ	640.001.119	27.000.000	667.001.119
	<b>134.195.431.957</b>	<b>27.000.000</b>	<b>134.222.431.957</b>
Các khoản vay	12.891.607.830	-	12.891.607.830
Phải trả người bán và phải trả khác	55.869.373.090	116.100.000	55.985.473.090
Chi phí phải trả	3.442.741.337	-	3.442.741.337
	<b>72.203.722.257</b>	<b>116.100.000</b>	<b>72.319.822.257</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>61.991.709.700</b>	<b>(89.100.000)</b>	<b>61.902.609.700</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

002-C...  
CH  
Y  
TU HẠN  
TE  
H  
CHI MINH

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>OPC Bắc Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	27.861.682.000	14.676.360.500
Doanh thu từ cho vay	202.222.000	-
Lợi nhuận được chia	538.600.325	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.069.675.259	3.709.899.722

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như sau:


	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
OPC Bắc Giang	33.333.300	34.444.400

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Một số số liệu của báo cáo kỳ trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể như sau:

	Trình bày 6 tháng năm 2015 VND	Phân loại lại VND	Trình bày sau phân loại lại VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.807.559.819	6.707.256.102	157.514.815.921
Chi phí nhân công	82.182.932.505	2.399.365.421	84.582.297.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.876.781.856	(1.811.829.570)	20.064.952.286
Chi phí khác bằng tiền	35.626.195.436	(11.082.549.043)	24.543.646.393

  
 \_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hải Vân**  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thế Đề**  
 Kế toán trưởng



  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Chí Linh**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 11 tháng 8 năm 2016



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +844 6288 3568  
Fax: +844 6288 5678  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square  
57-69F Đồng Khởi, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)